

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/05/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về		Ghi chú	
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người		Hàng
1		RCDM+RP3	7:25	10+12	0+0		7+15	0+0	
2		RC6+RC8+RC4	7:25	6+7+4	0+0+0		5+4+12	0+0+0	
3		RP1	7:25	22	0		22	0	
4		RP3+RC5	9:25	13+9	0+0		9+13	0+0	chuyen 1 rp3-rc5
5		VSP02+RP2	9:25	22+0	0+0		16+6	0+0	
6		RP1+VSP02	9:25	10+11	0+0		8+14	0+0	
7		RP3	11:40	18	0		22	0	
8		P10+P4	11:40	18+0	0+0		16+6	0+0	
9		VSP02+RCDM+RC8	11:40	12+6+0	0+0+0		5+13+4	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày RCDM-3ng, RC8-4ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:RCDM - RP3	CREW: TUYỀN - NPHÚ - QTRƯỜNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/1927	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐỖ XUÂN CÔNG	RCDM	58	1	17			50	SGC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH HÙNG	RCDM	99	1	5	2	35	57	SGC	Vietnamese
3	LÊ CHÍ BẢO	RCDM	98	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM TUẤN VIỆT	RCDM	56	1	2			88	DK9	Vietnamese
5	TRƯƠNG MẠNH PHI	RCDM	59,97	2	12			76	KH-THAC	Vietnamese
6	TU TUẤN TU	RCDM	81	1	8			91	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ QUANG HÙNG	RCDM	97	1	8			79	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH TUẤN	RCDM	79-80	2	19			77	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN VĂN HẠNH	RCDM	78	1	10			81	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HUYNH	RCDM	57	1	6			72	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN HOÀI THANH	RP3	72	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN BẢO TOÀN	RP3	83	1	6			84	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ TRUNG KIẾN	RP3	79	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ TẤN CHÂU	RP3	81	1	8			82	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG CHUÔNG	RP3	77	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
16	HÀ VĂN NIN	RP3	75-76	2	13			74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN CÔNG SOÀI	RP3	71	1	7	2	30	73	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐỖ VĂN NĂM	RP3	73-74	2	13			71	YTE	Vietnamese
19	PHAN ĐỖ CHÂU TUẤN	RP3	78	1	17			103	KH-THAC	Vietnamese
20	CAO ĐỨC THANH	RP3	80	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN QUÝ HAI	RP3	82	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG TRỌNG THỨC	RP3	70	1	2			74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RCDM	10	744	12	92	2	35	7		
2	RP3	12	919	14	94	2	30	15		
TOTAL		22	1.663	26	186	4	65	22		
WEIGHT KG			1.663		186		65			

GRAND TOAL: 1.914 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGUYỄN DUY TUYỀN

ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: RC6 - RC8 - RC4	CREW: DƯƠNG - M.ĐỨC - TOAN	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/1930	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ QUANG TUYẾN	RC6	84	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI QUỐC VIỆT	RC6						75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC NHÂN	RC6	85	1	10	1	20	76	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TUẤN TỬ	RC6	82-83	2	9			85	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN NGỌC DƯƠNG	RC6	80	1	10			67	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH ĐO	RC6	81	1	8			63	XAYLAP	Vietnamese
7	HOANG QUỐC VĂN	RC8	40-41	2	10			60	SGC	Vietnamese
8	HUYNH MINH SANG	RC8	37	1	5			82	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG THĂNG	RC8						75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THỊ HẰNG	RC8						63	NIPI	Vietnamese
11	TRẦN VĂN LINH	RC8						73	NIPI	Vietnamese
12	CHU TIẾN BÌNH	RC8	38-39	2	8			62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TÀI TÂM	RC8	36	1	5			54	PSV	Vietnamese
14	TRẦN MINH THỊ	RC4	96	1	9			112	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ THANH TỬ	RC4	95	1	6	2	25	72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH SƠN	RC4	61,93	2	11			77	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ HUY HOANG	RC4	94	1	7			85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC6	6	435	6	44	1	20	5		
2	RC8	7	469	6	28	0	0	4		
3	RC4	4	346	5	33	2	25	12		
TOTAL		17	1.250	17	105	3	45	21		
WEIGHT KG			1.250		105		45			

GRAND TOAL: 1.400 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

BUI HOANG DUONG

NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
B.CARD: <i>vang 1</i>	TO: RP1	CREW: LINH - N.CUONG - NNAM	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/1933	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN VĂN TÙNG	RP1	18	1	5	2	35	63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN CHI CÔNG	RP1	28	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY NGỌC	RP1	23-24	2	15			72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN BA DUY	RP1	19	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THÀNH HÙNG	RP1	14	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG VŨ NHẬT VINH	RP1	13	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM BA HOÀNG	RP1	08-09	2	15			74	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ THĂNG	RP1	05	1	13			85	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ VĂN ĐÔNG	RP1	17	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC ANH	RP1	32	1	5	2	13	68	YTE	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN BAO TRUNG	RP1	29	1	2			67	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN THANH	RP1	20	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
13	HUYNH MINH TRI	RP1	22	1	5			49	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN XUÂN THÀNH	RP1	26	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
15	TẶNG THÀNH DÂN	RP1	16	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ ĐÌNH ĐẠI	RP1	27	1	9			64	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP1	15	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN LỢI	RP1	12	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
19	HA TÂN DŨNG	RP1	10	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN LÊ MINH QUANG	RP1	21	1	11			68	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ HOÀI NAM	RP1	25	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN NGỌC TU	RP1	11	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	22	1.524	24	150	4	48	22		
TOTAL		22	1.524	24	150	4	48	22		
WEIGHT KG			1.524		150		48			

GRAND TOAL: 1.722 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH
PHAN NHƯ CƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO:RP3 - RC5	CREW: HUNG - NPHU - QTRUONG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/1928	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ QUỐC THÔNG	RP3	1000,01	2	11	5	85	81	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG TRUNG HIỆU	RP3	94	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN TIỀN	RP3	96	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN NAM TRUNG	RP3	87	1	4			56	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VIỆT HÙNG	RP3	95	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TUNG	RP3	97	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU HOANG VINH	RP3	93	1	6			56	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI SY CONG	RP3	98-99	2	10			60	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH QUANG THANH	RP3	90	1	11			76	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	91	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	88	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM QUỐC CHÊ	RP3	89	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU MẠU	RP3	92	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
14	CAO THANH HỢP	RC5	72	1	5	1	20	67	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN TUẤN ANH	RC5	69	1	12			75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HẠN	RC5	74-75	2	18			83	KH-THAC	Vietnamese
17	LƯƠNG TUẤN ANH	RC5	33	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC HUY	RC5	31	1	15			82	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT DÙNG	RC5	70-71	2	7			60	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VŨ HOÀNG	RC5	32	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ XUÂN VŨ	RC5	73	1	16			72	XAYLAP	Vietnamese
22	KIỀU MINH QUYẾT	RC5	30	1	9			63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	13	870	15	88	5	85	9		CHUYEN 1 PAX RP3-RC5
2	RC5	9	648	11	93	1	20	13		
TOTAL		22	1.518	26	181	6	105	22		
WEIGHT KG			1.518		181		105			

GRAND TOAL: 1.804 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG
ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: VSP02 - RP2	CREW: DƯƠNG - M.ĐỨC - TOAN	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/1931	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGÔ MINH PHƯƠNG	VSP02	07-08	2	14	3	55	90	ANTOAN	Vietnamese
2	PHẠM HỒNG QUÂN	VSP02	03-04	2	17			78	ANTOAN	Vietnamese
3	DUCHENKO A.L.	VSP02	14	1	7			137	KH-THAC	Russian
4	SERGIENKO S.E.	VSP02	15	1	10			88	KH-THAC	Russian
5	TRẦN XUÂN KINH	VSP02						66	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	13	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG NGỌC CƯỜNG	VSP02	18	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN QUYẾT	VSP02	11	1	6			52	KH-THAC	Vietnamese
9	VÔ TẤN LINH	VSP02	22	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
10	DƯƠNG TRUNG VIỆT	VSP02	19	1	3			78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02	20	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN VIỆT QUANG	VSP02	05	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	VSP02	17	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	21	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ QUỐC TRINH	VSP02	16	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM DUY QUANG	VSP02						69	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN MINH CƯỜNG	VSP02	09	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	VSP02	06	1	4			82	KH-THAC	Vietnamese
19	NGÔ CÔNG HUY	VSP02	10	1	8			64	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02	12	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM HỮU TRI	VSP02						70	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN HỮU KHANH	VSP02	02	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP02	22	1.631	21	134	3	55	16		
2	RP2	0	0	0	0	3	41	6		
TOTAL		22	1.631	21	134	6	96	22		
WEIGHT KG			1.631		134		96			

GRAND TOAL: 1.861 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
B.CARD: TRANG-2	TO:RP1 - VSP02	CREW: LINH - N.CUONG - NNAM	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/1934	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHAN VAN HOC	RP1	18	1	8	1	16	61	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN DUY PHUONG	RP1	94	1	16			62	XAYLAP	Vietnamese
3	VO VAN HOAI	RP1	20	1	14			68	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN VIET HOA	RP1	17	1	10			86	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAM VAN SAC	RP1	92-93	2	15			69	XAYLAP	Vietnamese
6	KIM VAN TINH	RP1	21-22	2	20			62	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN QUOC TUAN	RP1	01-02	2	11			64	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN QUANG TAN	RP1	15	1	3			58	PSV	Vietnamese
9	DO QUANG MINH	RP1	16	1	4			66	PSV	Vietnamese
10	LU SON	VSP02	87	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
11	LUONG HOANG DAT	VSP02	91	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI NGUYEN QUANG	VSP02	83	1	6	1	20	76	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM VAN PHUONG	VSP02	92-94	3	20			88	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI HUY BINH	VSP02	90	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
15	VU THAI SON	VSP02	88	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
16	HA MANH THANG	VSP02	84	1	5			52	KH-THAC	Vietnamese
17	DO TRUNG DUNG	VSP02	85	1	6			57	KH-THAC	Vietnamese
18	TO VAN HUNG	VSP02	89	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
19	LE DINH KHOA	VSP02	86	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN NGOC TU	VSP02						84	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	9	596	12	101	1	16	8		
2	VSP02	11	798	12	72	1	20	14		
TOTAL		20	1.394	24	173	2	36	22		
WEIGHT KG			1.394		173		36			

GRAND TOAL: 1.603 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

NGÔ VĂN LINH

PHAN NHƯ CƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: VANG-3	TO:RP3	CREW: HUNG - HTRUNG - THU	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/1929	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	DOAN MANH QUANG	RP3	10	1	4	1	18	83	KH-THAC	Vietnamese
2	VU QUANG HUNG	RP3	11	1	11			76	KH-THAC	Vietnamese
3	MA ANH TIT	RP3	08	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
4	DOAN HOANG SON	RP3	13	1	10	1	16	105	KH-THAC	Vietnamese
5	LE NGUYEN KINH CHAU	RP3	07	1	6			70	VIET PHAT	Vietnamese
6	NGUYEN BA THUAN	RP3	15-16	2	20			74	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN QUANG TRUNG	RP3	17-18	2	19			81	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYEN HUU HO	RP3	20	1	8			64	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYEN TRONG TUAN	RP3	24-25	2	18			66	CODIEN	Vietnamese
10	LE HOANG VU	RP3	26-27	2	16			67	CODIEN	Vietnamese
11	PHAM VAN DUC	RP3	34	1	16	2	25	75	T-TIN	Vietnamese
12	TRUONG TRONG THI	RP3	28-30	3	16			72	T-TIN	Vietnamese
13	TRAN NGOC TIN	RP3	21	1	12			65	THIEN NAM	Vietnamese
14	BUI NGUYEN TRUNG HAU	RP3	31-32	2	20			53	THIEN NAM	Vietnamese
15	PHAN THANH TAM	RP3	22-23	2	12			57	THIEN NAM	Vietnamese
16	LE VAN HAO	RP3	09	1	12			76	THIEN NAM	Vietnamese
17	TRAN VAN DAI	RP3	12	1	14			72	THIEN NAM	Vietnamese
18	LUONG NGOC SON	RP3	19	1	12			59	THIEN NAM	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	18	1.281	26	231	4	59	22		
TOTAL		18	1.281	26	231	4	59	22		
WEIGHT KG			1.281		231		59			

GRAND TOTAL: 1.571 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
B.CARD: TRANG-3	TO: P10 - P4	CREW: DU'ONG - CHIEN - HUY	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM26/1932	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐẶNG TUẤN ANH	P10	47	1	11	6	74	84	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG PHÚ	P10	46	1	8			77	CODIEN	Vietnamese
3	HOANG TRỌNG LINH	P10	31-32	2	18			69	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐỖ QUỐC VŨ	P10	33-34	2	14			68	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI VĂN CHUNG	P10	43	1	12			52	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM XUÂN THIÊN	P10	37	1	11			62	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐÀO HAI TÙNG	P10	42	1	12			81	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐẶNG HUY CẬN	P10	98	1	15			65	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI VĂN HÒA	P10	29	1	9			44	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐÔNG VĂN DŨNG	P10	30	1	10			55	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC CHUNG	P10	38-39	2	19			57	XAYLAP	Vietnamese
12	TRỊNH NGỌC THAI	P10	35-36	2	19			93	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN ĐỀ	P10	99,800	2	19			54	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN NAM KHÁNH	P10	23	1	15	1	10	63	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN BA QUY	P10	40-41	2	20			73	XAYLAP	Vietnamese
16	CU MINH HIỆP	P10	27	1	7	1	8	77	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI ĐÌNH ĐẠT	P10	25	1	13	1	11	72	XAYLAP	Vietnamese
18	NGÔ QUANG PHÚC	P10	44	1	15	1	8	69	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	18	1.215	24	247	10	111	16		
2	P4	0	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		18	1.215	24	247	10	111	22		
WEIGHT KG			1.215		247		111			

GRAND TOAL: 1.573 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

ĐỖ VĂN CHIẾN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:20
B.CARD: XANH-3	TO: VSP02 - RCDM - RC8	CREW: LINH - N.ANH - HIẾU	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM26/1935	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN HONG ĐỨC	VSP02	05	1	4			59	PSV	Vietnamese
2	VU VAN CHUYEN	VSP02	44	1	4			67	PSV	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC ĐẠT	VSP02	54-55	2	13			69	CODIEN	Vietnamese
4	TRẦN CAO TUẤN	VSP02	99	1	12			65	CODIEN	Vietnamese
5	TRẦN ĐƯƠNG	VSP02	96	1	11			67	CODIEN	Vietnamese
6	LÊ NGỌC ANH	VSP02	98	1	10			77	CODIEN	Vietnamese
7	TRÌNH CÔNG SƠN	VSP02	97	1	9			53	CODIEN	Vietnamese
8	LUU HỒ ANH	VSP02	06	1	11			79	CODIEN	Vietnamese
9	TRẦN SƠN TÙNG	VSP02	56	1	10			70	CODIEN	Vietnamese
10	TRẦN MẠNH CƯỜNG	VSP02	57	1	12			69	CODIEN	Vietnamese
11	VŨ ĐÌNH NAM	VSP02	500	1	10			67	CODIEN	Vietnamese
12	HỒ NGUYỄN PHÚC	VSP02	53	1	7			85	CODIEN	Vietnamese
13	ĐẠO AN TUẤN	RCDM	84	1	12			50	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HUAN	RCDM	87-88	2	14			83	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN MẠNH HÙNG	RCDM	85	1	10	1	15	71	XAYLAP	Vietnamese
16	DƯƠNG ĐĂNG CƯỜNG	RCDM	89	1	14	2	35	73	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM VĂN HÙNG	RCDM	90-91	2	7			77	T-TIN	Vietnamese
18	LÊ VĂN LỘC	RCDM	92-93	2	20	2	16	59	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP02	12	827	13	113	0	0	5		
2	RCDM	6	413	9	77	5	66	13		
3	RC8	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		18	1.240	22	190	5	66	22		
WEIGHT KG			1.240		190		66			

GRAND TOAL: 1.496 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGHIÊM VIỆT ANH

